

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 10 - 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Riêng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Ngọc Châu

2. Ông Kim Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 467/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Lưu Văn D, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp R, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, ngày 05 tháng 9 năm 2019 nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Đ trình bày: Vào năm 1998 do quen biết trước nên chị và anh Lưu Văn D tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trước sự chứng kiến của hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh và được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/02/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại ấp R, xã A, huyện T. Đến năm 2017 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường cự cãi với nhau, do bất hòa trong cuộc sống, từ đó vợ chồng

sống ly thân cho đến nay, từ lúc ly thân hai bên không có ai tạo điều kiện hàn gắn. Trong quá trình chung sống chị và anh D có 01 người con chung tên Lưu Khắc T, sinh ngày 20/10/1998 và tài sản chung, nợ chung không có.

Nay xét thấy quan hệ vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể duy trì vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn D.

Về con chung có 01 người con chung tên Lưu Khắc T, sinh ngày 20/10/1998, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19 tháng 9 năm 2019 của bị đơn anh Lưu Văn D trình bày: Anh thống nhất vào năm 1998 do quen biết trước nên anh và chị Nguyễn Hồng Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, trước sự đồng ý và cho phép tổ chức lễ cưới của hai bên gia đình, anh và chị Đ có đăng ký kết hôn đúng theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/02/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà cha mẹ ruột của anh tại ấp R, xã A, huyện Trà Cú, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, sau đó vợ chồng có cãi cãi với nhau, thì vợ anh về sống bên cha mẹ ruột cho đến nay và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, từ lúc ly thân không có ai tạo điều kiện hàn gắn. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 người con chung tên Lưu Khắc T, sinh ngày 20/10/1998 và tài sản chung, nợ chung không có. Nay với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng Đ thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung có 01 người con chung tên Lưu Khắc T, sinh ngày 20/10/1998 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh D thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

+ Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Không có vi phạm.

+ Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng chị Nguyễn Hồng Đ là nguyên đơn; anh Lưu Văn D là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đ và anh D.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 146, 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện giữa chị Nguyễn Hồng Đ và anh Lưu Văn D thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung có 01 người con chung tên Lưu Khắc T, sinh ngày 20/10/1998, chị Nguyễn Hồng Đ và anh Lưu Văn D thống nhất con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh D thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Đ làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Lưu Văn D theo quy định. Do bị đơn anh Lưu Văn D có nơi cư trú tại ấp R, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Hồng Đ là nguyên đơn; anh Lưu Văn D là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đ và anh D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng Đ và anh Lưu Văn D xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10/1998, ngày 16/02/1998, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Hồng Đ có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng Đ, Hội đồng xét xử nhận định: Theo quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc, bền vững. Chị Đ xác định, trong đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã

sống ly thân từ năm 2017 đến nay và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa nên chị Đ cương quyết xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Hồng Đ yêu cầu được ly hôn với anh Lưu Văn D. Anh Lưu Văn D đồng ý ly hôn với chị Đ. Xét thấy chị Đ và anh D tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên ghi nhận sự tự nguyện này.

[5] Về con chung có 01 người con chung tên Lưu Khắc T, sinh ngày 20/10/1998 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện giữa chị Nguyễn Hồng Đ và anh Lưu Văn D thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung có 01 người con chung tên Lưu Khắc T, sinh ngày 20/10/1998 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005707 ngày 09/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên chị Nguyễn Hồng Đ không phải nộp tiếp.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Hồng Đ và anh Lưu Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Kim Riêng